

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN ACB**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN ACB**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - DN)	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 - DN)	9 - 27
Phụ lục	28 - 31

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN ACB

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy phép thành lập

Số 4104000006/GP-UB ngày 30 tháng 06 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 6 năm 2000 và giấy phép điều chỉnh số 150/UBCK-GP ngày 4 tháng 9 năm 2008 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

#### Vốn điều lệ

Vốn điều lệ là 1.000.000.000.000 đồng Việt Nam (một ngàn tỷ đồng Việt Nam) theo Giấy phép điều chỉnh số 105/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 1 năm 2008.

#### Hội đồng Thành viên

Ông Kiều Hữu Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2008)
Ông Trịnh Kim Quang	Thành viên
Ông Đỗ Minh Toàn	Thành viên
Ông Lê Vũ Kỳ	Thành viên
Ông Trần Hùng Huy	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Thành	Quyền Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2008)
Bà Lê Thị Phương Dung	Quyền Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2008)
Ông Nguyễn Hữu Trung	Quyền Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2008)

#### HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Các hoạt động chính của Công ty TNHH Một thành viên Chứng Khoán ACB ("Công ty") và công ty con (Công ty và công ty con gọi chung là "Tập đoàn") là tự doanh chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành; cung cấp các dịch vụ về đầu tư; các dịch vụ về quản lý quỹ đầu tư.

#### Trụ sở chính

107N Trương Định, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN ACB

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 27. Các báo cáo tài chính này thể hiện hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào thời điểm đó, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hải  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam

02 APR 2009

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN ACB**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên Chứng Khoán ACB (“Công ty”) và công ty con, (gọi chung là “Tập đoàn”) gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ quan hệ tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, kể cả đánh giá rủi ro các báo cáo tài chính hợp nhất bị sai sót trọng yếu do gian trá hoặc bị lỗi. Trong việc đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ quan hệ tới việc Tập đoàn soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đã đủ và thích hợp để làm cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.


## Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

## Các vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác, và báo cáo của họ đề ngày 13 tháng 2 năm 2008 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó.



  
Ian S. Lydall  
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV  
Chữ ký được ủy quyền



Lê Văn Hòa  
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM2220

02 APR 2009

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.490.932</b>	<b>702.068</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>1.075.917</b>	<b>287.487</b>
111	Tiền		770.917	287.487
112	Các khoản tương đương tiền		305.000	-
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4(a)	<b>226.429</b>	<b>308.727</b>
121	Đầu tư ngắn hạn		370.031	311.440
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(143.602)	(2.713)
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>187.262</b>	<b>16.013</b>
131	Phải thu khách hàng	5	171.800	3.671
132	Trả trước cho người bán		66	4.447
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn		104	-
138	Các khoản phải thu khác	6	15.532	8.108
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(240)	(213)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>-</b>	<b>406</b>
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.324</b>	<b>89.435</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		964	1.324
158	Tài sản ngắn hạn khác	7	360	88.111
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.474.952</b>	<b>1.078.153</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	8	<b>429.544</b>	<b>388.766</b>
218	Phải thu dài hạn khác		429.544	388.766
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>77.379</b>	<b>13.784</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	77.273	13.747
222	Nguyên giá		87.491	17.582
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.218)	(3.835)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	106	37
228	Nguyên giá		129	39
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(23)	(2)
230	Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	9(c)	-	-
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>953.592</b>	<b>669.998</b>
258	Đầu tư dài hạn khác	4(b)	953.592	669.998
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>14.437</b>	<b>5.605</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	7.206	172
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		4.214	1.488
268	Tài sản dài hạn khác	11	3.017	3.945
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.965.884</b>	<b>1.780.221</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
		2008	2007
NGUỒN VỐN		Triệu đồng	Triệu đồng
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.865.770</b>	<b>1.213.259</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.365.495</b>	<b>1.213.014</b>
312	Phải trả người bán	170.628	1.449
313	Người mua trả tiền trước	60	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	28.765	65.180
315	Phải trả người lao động	6.500	4.274
316	Chi phí phải trả	41.096	1.245
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	412.876	232.732
321	Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	906	38.348
328	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	704.664	869.786
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>500.275</b>	<b>245</b>
334	Vay và nợ dài hạn	500.000	-
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	275	245
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.100.114</b>	<b>566.962</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.100.114</b>	<b>566.962</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000	500.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	34.869	23.037
418	Quỹ dự phòng tài chính	55.491	43.770
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.754	155
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.965.884</b>	<b>1.780.221</b>



Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hải  
Tổng Giám đốc

02 APR 2009

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày	
		31.12.2008 Triệu đồng	31.12.2007 Triệu đồng
<b>1</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>600.829</b>	<b>537.889</b>
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	239.013	115.490
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	18 334.828	405.709
1.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.420	-
1.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	1.544
1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	4.022	4.702
1.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.002	905
1.9	Doanh thu khác	20.544	9.539
<b>2</b>	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>( 783)</b>	<b>-</b>
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>600.046</b>	<b>537.889</b>
<b>11</b>	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>19 (289.178)</b>	<b>(111.682)</b>
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>310.868</b>	<b>426.207</b>
<b>25</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>20 (45.046)</b>	<b>(18.158)</b>
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>265.822</b>	<b>408.049</b>
31	Thu nhập khác	330	52
32	Chi phí khác	(257)	(405)
<b>40</b>	<b>Thu nhập/(chi phí) khác</b>	<b>21 73</b>	<b>(353)</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>265.895</b>	<b>407.696</b>
<b>51</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>22 (29.124)</b>	<b>(79.700)</b>
<b>52</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>236.771</b>	<b>327.996</b>



Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 03 - CTCK

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày	
		31.12.2008 Triệu đồng	31.12.2007 Triệu đồng
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>265.895</b>	<b>407.696</b>
	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
02	Khấu hao tài sản cố định	7.183	2.203
03	Các khoản dự phòng	140.916	1.522
04	Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	26	(22)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(119.442)	(14.205)
06	Chi phí lãi vay	36.405	43.412
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>330.983</b>	<b>440.606</b>
09	Tăng các khoản phải thu	(126.101)	(410.994)
10	Giảm hàng tồn kho	406	3
11	(Giảm)/tăng chứng khoán kinh doanh	(58.591)	696.573
12	Giảm các khoản phải trả	(105.519)	(616.930)
13	(Tăng)/giảm các chi phí trả trước	(6.674)	1.695
14	Tiền lãi vay đã trả	-	(42.891)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(66.457)	(26.812)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(111)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(32.064)</b>	<b>41.250</b>
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(15.493)	(12.880)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	139	50.753
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(757.556)	(700.507)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	470.648	666.374
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	122.756	14.205
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(179.506)</b>	<b>17.945</b>
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	Nhận vốn góp của chủ sở hữu	500.000	250.000
33	Tiền thu từ phát hành trái phiếu	500.000	2.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	-	(2.200.000)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>1.000.000</b>	<b>50.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>788.430</b>	<b>109.195</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3	287.292
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	<b>1.075.917</b>	<b>287.487</b>

  
Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Việt Hải  
Tổng Giám đốc  
02 APR 2009

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty TNHH Một Thành Viên Chứng Khoán ACB được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/GPHĐKD cấp ngày 29 tháng 6 năm 2000 và giấy phép sửa đổi số 150/UBCK-GP ngày 4 tháng 9 năm 2008 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp. Công ty là một công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có một công ty con là Công ty Quản lý quỹ ACB ("ACBC") được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP, kinh doanh trong lĩnh vực Quản lý quỹ. Công ty Quản lý quỹ ACB là công ty con 100% vốn của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán ACB.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Tập đoàn có 260 nhân viên (2007: 236 nhân viên).

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo triệu đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.5 Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính****Công ty con**

Công ty con là công ty mà Tập đoàn có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất từ ngày quyền kiểm soát của công ty này được trao cho Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con sẽ không được hợp nhất từ ngày Tập đoàn không còn quyền kiểm soát công ty này.

Tập đoàn hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con. Các tài sản đã mua hoặc các khoản nợ phải trả được thừa nhận trong việc hợp nhất kinh doanh được xác định khởi đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, bất kể phần lợi ích của cổ đông thiểu số là bao nhiêu. Phần vượt trội giữa giá phí mua và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản mua được ghi nhận là Lợi thế thương mại. Thời gian sử dụng hữu ích của Lợi thế thương mại được ước tính đúng đắn dựa trên thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Thời gian sử dụng hữu ích của Lợi thế thương mại tối đa không quá 10 năm kể từ ngày được ghi nhận. Nếu giá phí mua thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua thì phần chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa công ty con và Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện cụ thể sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.7 Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư ngắn hạn**

*Đầu tư chứng khoán ngắn hạn*

Các khoản đầu tư ngắn hạn ban đầu được ghi nhận theo giá trị mua thực tế. Sau đó, các khoản đầu tư ngắn hạn này được ghi nhận theo giá vốn trừ đi các khoản dự phòng. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**(b) Đầu tư dài hạn**

*Chứng khoán sẵn sàng để bán*

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này.

Lãi hoặc lỗ từ chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán sẵn sàng để bán đã bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn*

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị trong thời gian dài của các chứng khoán này hoặc trong trường hợp Tập đoàn không thể thu hồi được các khoản đầu tư này.

Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

*Đầu tư dài hạn khác*

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các đơn vị không niêm yết. Các khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

**2.8 Hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư**

Các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các tài sản khác và các khoản phải trả khác cho người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất trong năm 2007. Năm 2008, Công ty đã ngừng thực hiện các hoạt động quản lý danh mục ủy thác đầu tư.

**2.9 Cam kết mua và bán**

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại (“repo”) không phải ghi giảm các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được khi bán chứng khoán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận như chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại (“reverse repo”) không được ghi tăng các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Số tiền trả cho các thỏa thuận reverse repo được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận như thu nhập chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

**Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.**

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Tòa nhà	25 năm
Nhà xưởng và máy móc thiết bị	3 – 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Phần mềm vi tính	3 năm

*Thanh lý*

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.11 Chi phí vay**

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

## 2.12 Ghi nhận doanh thu

*Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư*

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

*Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn*

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

*Doanh thu về vốn kinh doanh*

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

## 2.13 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

## 2.14 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; Có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

**2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoảng thời gian làm việc cho Tập đoàn tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tập đoàn đang trích lập dự phòng trợ cấp thôi theo mức 2% tổng quỹ tiền lương theo hướng dẫn của Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Tiền mặt	66	1
Tiền gửi ngân hàng	325.433	52.720
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	445.418	234.766
Các khoản tương đương tiền	305.000	-
	<u>1.075.917</u>	<u>287.487</u>



**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Giá trị sổ sách Triệu đồng	2008		Giá trị thị trường Triệu đồng	Dự phòng Triệu đồng
		So với giá trị tăng Triệu đồng	So với giá trị giảm Triệu đồng		
<b>(a) Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>370.031</b>	<b>419</b>	<b>(143.602)</b>	<b>226.848</b>	<b>(143.602)</b>
- Đầu tư chứng khoán niêm yết	299.469	419	(128.447)	171.441	(128.447)
- Đầu tư chứng khoán chưa niêm yết	29.300	-	(15.155)	14.145	(15.155)
- Trái phiếu	41.262	-	-	41.262	-
<b>(b) Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>953.592</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<u>1.323.623</u>	<u>419</u>	<u>(143.602)</u>	<u>226.848</u>	<u>(143.602)</u>

**5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Phí giao dịch chứng khoán còn phải thu công ty mẹ (thuyết minh 23)	168.941	-
Phí giao dịch chứng khoán còn phải thu khách hàng khác	2.859	3.671
	<u>171.800</u>	<u>3.671</u>

**6 KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Phải thu từ hợp đồng “reverse repo” ngắn hạn (*)	14.072	1.319
Lãi dự thu ngắn hạn từ hợp đồng “reserve repo” ngắn hạn	121	192
Các khoản phải thu khác	1.339	6.597
	<u>15.532</u>	<u>8.108</u>

(\*) Đây là tổng số tiền Công ty trả cho khách hàng cho các hợp đồng “reverse repo” có thời hạn dưới một năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất trung bình được áp dụng cho những hợp đồng này là 1,45%/tháng. Những hợp đồng này sẽ đáo hạn trong năm 2009.

**7 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán của người ủy thác đầu tư	-	88.071
Các khoản ứng trước	348	28
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12	12
	<u>360</u>	<u>88.111</u>

**8 PHẢI THU DÀI HẠN**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	Triệu đồng	Triệu đồng
Phải thu từ hợp đồng “reverse repo” dài hạn (*)	371.385	371.385
Lãi dự thu từ hợp đồng “reserve repo” dài hạn	58.159	17.381
	<u>429.544</u>	<u>388.766</u>

(\*) Đây là tổng số tiền Công ty trả cho khách hàng cho các hợp đồng “reverse repo” có thời hạn trên 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất áp dụng cho những hợp đồng này là 0,9%/tháng. Các hợp đồng này sẽ đáo hạn trong năm 2010 và 2011.

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Toà nhà Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu ĐỒNG	Thiết bị quản lý Triệu đồng	Tài sản khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	-	13.178	4.324	-	80	17.582
Mua trong năm	55.450	4.643	1.664	148	1.503	63.408
Phân loại lại	-	289	-	-	(289)	-
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành	7.221	-	-	-	224	7.445
Thanh lý, nhượng bán	-	(944)	-	-	-	(944)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	62.671	17.166	5.988	148	1.518	87.491
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	-	2.948	875	-	12	3.835
Khấu hao trong năm	1.388	4.497	856	32	389	7.162
Thanh lý, nhượng bán	-	(779)	-	-	-	(779)
Phân loại lại	-	74	-	-	(74)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.388	6.740	1.731	32	327	10.218
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	-	10.230	3.449	-	68	13.747
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	61.283	10.426	4.257	116	1.191	77.273

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính  
Triệu đồng

**Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008  
Mua trong năm

39  
90

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

129

**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008  
Khấu hao trong năm

2  
21

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

23

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008

37

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

106

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

2008  
Triệu đồng

2007  
Triệu đồng

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008

-

-

Tăng trong năm

7.445

-

Chuyển sang tài sản cố định hữu hình

(7.445)

-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

-

-

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

2008  
Triệu đồng

2007  
Triệu đồng

Tại ngày 1 tháng 1

172

-

Tăng

9.286

217

Phân bổ trong năm

(2.252)

(45)

Tại ngày 31 tháng 12

7.206

172

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN ACB**

**Mẫu số B 09 – CTCK**

**11 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	<b>2008</b> <b>Triệu đồng</b>	<b>2007</b> <b>Triệu đồng</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.151	2.151
Tài sản dài hạn khác	866	1.794
	<u>3.017</u>	<u>3.945</u>

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>2008</b> <b>Triệu đồng</b>	<b>2007</b> <b>Triệu đồng</b>
Phải trả do giao dịch mua chứng chỉ tiền gửi ngân hàng (*)	170.601	-
Phải trả người bán	27	1.449
	<u>170.628</u>	<u>1.449</u>

(\*) Đây là khoản phải trả cho giao dịch mua chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng trong nước từ các bên liên quan của công ty mẹ. Tổng giá trị chứng chỉ tiền gửi theo hợp đồng là 3.264.518 triệu đồng. Các chứng chỉ tiền gửi này đã được bán lại ngang giá cho công ty mẹ vào cuối năm 2008.

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>2008</b> <b>Triệu đồng</b>	<b>2007</b> <b>Triệu đồng</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	40	26
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	26.408	63.741
Các loại thuế khác	2.317	1.413
	<u>28.765</u>	<u>65.180</u>

**14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>2008</b> <b>Triệu đồng</b>	<b>2007</b> <b>Triệu đồng</b>
Dự chi lãi trái phiếu phải trả	36.405	-
Phí giao dịch trả Trung tâm, Sở Giao dịch chứng khoán	3.626	1.162
Chi phí hoa hồng đại lý nhận lệnh	968	83
Chi phí khác	97	-
	<u>41.096</u>	<u>1.245</u>

**15 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	6	3
Doanh thu chưa thực hiện	18	-
Phải trả người ủy thác đầu tư	-	88.071
Tạm ứng vốn từ công ty mẹ	100.000	500.000
Lợi nhuận chuyển về công ty mẹ (Thuyết minh 23)	483.804	280.296
Phải trả mua tài sản cố định của công ty mẹ (Thuyết minh 23)	55.450	-
Khoản phải trả khác cho công ty mẹ	30.064	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.322	1.416
	<u>704.664</u>	<u>869.786</u>

**16 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Trái phiếu phát hành	500.000	-
	<u>500.000</u>	<u>-</u>

Ngày 5 tháng 3 năm 2008, Công ty phát hành 5.000.000 (năm triệu) trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng Việt Nam với mức lãi suất 8,8% một năm. Toàn bộ số trái phiếu trên có thời hạn hai năm và được phát hành cho một ngân hàng cổ phần nội địa.

**17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Đơn vị: Triệu đồng				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ dự phòng tài chính (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Tổng cộng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	250.000	17	12.609	6.636	269.262
Tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000	-	-	-	250.000
Lợi nhuận hợp nhất trong năm 2007	-	327.996	-	-	327.996
Phân bổ vào các quỹ	-	(47.562)	31.161	16.401	-
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	(280.296)	-	-	(280.296)
	<u>500.000</u>	<u>155</u>	<u>43.770</u>	<u>23.037</u>	<u>566.962</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	500.000	-	-	-	500.000
Lợi nhuận hợp nhất trong năm 2008	-	236.771	-	-	236.771
Phân bổ vào các quỹ	-	(23.664)	11.832	11.832	-
Sử dụng quỹ	-	-	(111)	-	(111)
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	(203.508)	-	-	(203.508)
	<u>1.000.000</u>	<u>9.754</u>	<u>55.491</u>	<u>34.869</u>	<u>1.100.114</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	<u>1.000.000</u>	<u>9.754</u>	<u>55.491</u>	<u>34.869</u>	<u>1.100.114</u>

**17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)***Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chuyển về cho Công ty mẹ sau khi được Hội đồng Thành viên chấp thuận và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý Việt Nam.

*Quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính*

Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

Quỹ đầu tư và phát triển: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.

Từ năm 2000 đến năm 2007, quỹ dự phòng tài chính được Công ty trích lập với mức 9.5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty.

**18 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>Triệu đồng</b>	<b>Triệu đồng</b>
Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán	212.072	391.504
Thu nhập cổ tức và lãi trái phiếu	122.756	14.205
	<hr/>	<hr/>
	<b>334.828</b>	<b>405.709</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**19 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>Triệu đồng</b>	<b>Triệu đồng</b>
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	17.114	30.995
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	63.563	9.669
Chi phí về tư vấn cho người đầu tư	110	324
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	1.041	462
Chi phí khác trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	8.402	10.326
Chi phí dự phòng	140.916	2.926
Chi phí lãi trái phiếu	36.405	43.145
Chi phí nhân viên	18.521	11.915
Khấu hao tài sản cố định	3.106	1.920
	<hr/>	<hr/>
	289.178	111.682
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>Triệu đồng</b>	<b>Triệu đồng</b>
Khấu hao tài sản cố định	4.077	283
Chi phí nhân viên	16.229	7.112
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	1.569	84
Chi phí công cụ, đồ dùng	433	314
Thuế, phí, lệ phí	38	3
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.820	3.168
Chi phí bằng tiền khác	5.880	7.194
	<hr/>	<hr/>
	45.046	18.158
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>



**21 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi do thanh lý tài sản	-	22
Thu nhập khác	330	30
	<u>330</u>	<u>52</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Lỗ do thanh lý tài sản	26	-
Chi phí khác	231	405
	<u>257</u>	<u>405</u>
Thu nhập/(chi phí) khác – Số thuần	<u>73</u>	<u>(353)</u>

**22 THUẾ**

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.124	79.700
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
	<u>29.124</u>	<u>79.700</u>

Khoản thuế trong năm thể hiện thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận chịu thuế ước tính của Công ty và công ty con và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	265.895	407.696
Thuế (thuế suất tính theo luật định)	53.193	81.539
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(24.377)	(3.031)
Chi phí không được khấu trừ	308	864
Chuyển lỗ tính thuế	-	328
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>29.124</u>	<u>79.700</u>

(\*) Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con sẽ do cơ quan thuế kiểm tra định kỳ và có thể có những điều chỉnh khi quyết toán.

Cơ quan thuế chưa thực hiện quyết toán thuế năm 2008.

**23 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (“Ngân hàng Á Châu”) do sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty.

**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

***i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ***

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Công ty mẹ		
Doanh thu hoạt động môi giới	172.848	-
Doanh thu kinh doanh chứng khoán (*)	3.264.518	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.023	5.580
Thu nhập khác	1.364	-
Ủy thác đầu tư từ công ty mẹ	11.562	11.562
Ủy thác đầu tư cho công ty mẹ	56.547	95.471
Các bên liên quan khác	2.594	-
	3.524.456	112.613
	3.524.456	112.613

(\*) Trong năm, công ty đã mua từ các bên liên quan của công ty mẹ 3.264.518 triệu đồng chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng tại Việt Nam phát hành.

***ii) Mua hàng hóa và dịch vụ***

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Các công ty thành viên thuộc tập đoàn	216	212
Các bên liên quan khác	2.889	-
	3.105	212
	3.105	212

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 09 – CTCK

23 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

*iii) Bán tài sản cố định*

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Công ty mẹ	173	-

*iv) Mua tài sản cố định*

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Công ty mẹ	55.450	-

*v) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt*

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Lương và các quyền lợi gộp khác	4.126	2.964

*vi) Hoạt động tài chính*

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	203.508	280.296
Vốn góp từ công ty mẹ	500.000	250.000
Công ty mẹ tạm ứng vốn	3.194.000	-
Hoàn trả tạm ứng vốn cho công ty mẹ	(3.094.000)	-
	<u>803.508</u>	<u>530.296</u>

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 3)</b>		
Tiền gửi tại công ty mẹ	1.072.405	52.526
	<u>1.072.405</u>	<u>52.526</u>
<b>Đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 4)</b>		
Ủy thác đầu tư cho công ty mẹ	152.018	95.471
	<u>152.018</u>	<u>95.471</u>

**23 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty mẹ	168.941	-
	<u>168.941</u>	<u>-</u>
<b>Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 15)</b>		
Tạm ứng vốn từ công ty mẹ	100.000	500.000
Lợi nhuận chuyển về công ty mẹ	483.804	280.296
Mua tài sản cố định	55.450	-
Các khoản phải trả khác	30.064	-
	<u>669.318</u>	<u>780.296</u>
	<u>669.318</u>	<u>780.296</u>

**24 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Dưới 1 năm	9.652	8.103
Từ 1 đến 5 năm	27.576	26.563
Trên 5 năm	16.235	21.561
	<u>53.463</u>	<u>56.227</u>
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>53.463</u>	<u>56.227</u>

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt



---

Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hải  
Tổng Giám đốc

02 APR 2009

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Tại ngày 31 tháng 12	
		2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng Phân loại lại
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.439.561</b>	<b>702.068</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>1.024.546</b>	<b>287.487</b>
111	Tiền	719.546	287.487
112	Các khoản tương đương tiền	305.000	-
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>226.429</b>	<b>308.727</b>
121	Đầu tư ngắn hạn	370.031	311.440
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(143.602)	(2.713)
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>187.262</b>	<b>16.013</b>
131	Phải thu khách hàng	171.800	3.671
132	Trả trước cho người bán	66	4.447
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn	104	-
138	Các khoản phải thu khác	15.532	8.108
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(240)	(213)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>-</b>	<b>406</b>
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>1.324</b>	<b>89.435</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	964	1.324
158	Tài sản ngắn hạn khác	360	88.111
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>1.524.952</b>	<b>1.078.153</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>429.544</b>	<b>388.766</b>
218	Phải thu dài hạn khác	429.544	388.766
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>77.379</b>	<b>13.784</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	77.273	13.747
222	Nguyên giá	87.491	17.582
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(10.218)	(3.835)
227	Tài sản cố định vô hình	106	37
228	Nguyên giá	129	39
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(23)	(2)
230	Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	-	-
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>1.003.592</b>	<b>669.998</b>
251	Đầu tư vào công ty con	50.000	-
258	Đầu tư dài hạn khác	953.592	669.998
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>14.437</b>	<b>5.605</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	7.206	172
263	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	4.214	1.488
268	Tài sản dài hạn khác	3.017	3.945
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.964.513</b>	<b>1.780.221</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Tại ngày 31 tháng 12	
		2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.864.524</b>	<b>1.213.259</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.364.249</b>	<b>1.213.014</b>
312	Phải trả người bán	170.616	1.449
313	Người mua trả tiền trước	60	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	28.716	65.180
315	Phải trả người lao động	6.021	4.274
316	Chi phí phải trả	41.096	1.245
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	412.876	232.732
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	906	38.348
328	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	703.958	869.786
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>500.275</b>	<b>245</b>
334	Vay và nợ dài hạn	500.000	-
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	275	245
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.099.989</b>	<b>566.962</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.099.989</b>	<b>566.962</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000	500.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	34.869	23.037
418	Quỹ dự phòng tài chính	55.491	43.770
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.629	155
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.964.513</b>	<b>1.780.221</b>



 Hứa Chí Hùng  
 Kế toán trưởng

 Nguyễn Việt Hải  
 Tổng Giám đốc

02 APR 2009

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số		Niên độ kết thúc ngày	
		31.12.2008 Triệu đồng	31.12.2007 Triệu đồng Phân loại lại
1	<b>Doanh thu</b>	<b>599.133</b>	<b>537.889</b>
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	239.013	115.490
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	333.132	405.709
1.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.420	-
1.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	1.544
1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	4.022	4.702
1.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.002	905
1.9	Doanh thu khác	20.544	9.539
2	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(783)</b>	<b>-</b>
10	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>598.350</b>	<b>537.889</b>
11	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>(289.178)</b>	<b>(111.682)</b>
20	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>309.172</b>	<b>426.207</b>
25	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(43.524)</b>	<b>(18.158)</b>
30	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>265.648</b>	<b>408.049</b>
31	Thu nhập khác	330	52
32	Chi phí khác	(257)	(405)
40	<b>Thu nhập/(chi phí) khác</b>	<b>73</b>	<b>(353)</b>
50	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>265.721</b>	<b>407.696</b>
51	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>(29.075)</b>	<b>(79.700)</b>
52	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
60	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>236.646</b>	<b>327.996</b>



Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hải  
Tổng Giám đốc

02 APR 2009



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Niên độ kết thúc ngày	
		31.12.2008 Triệu đồng	31.12.2007 Triệu đồng
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>265.721</b>	<b>407.696</b>
	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
02	Khấu hao tài sản cố định	7.183	2.203
03	Các khoản dự phòng	140.916	1.522
04	Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	26	(22)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(119.442)	(14.205)
06	Chi phí lãi vay	36.405	43.412
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>330.809</b>	<b>440.606</b>
09	Tăng các khoản phải thu	(126.101)	(410.994)
10	Giảm hàng tồn kho	406	3
11	(Giảm)/tăng chứng khoán kinh doanh	(58.591)	696.573
12	Giảm các khoản phải trả	(106.716)	(616.930)
13	(Giảm)/tăng các chi phí trả trước	(6.674)	1.695
14	Tiền lãi vay đã trả	-	(42.891)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(66.457)	(26.812)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(111)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(33.435)</b>	<b>41.250</b>
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(15.493)	(12.880)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	139	50.753
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(807.556)	(700.507)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	470.648	666.374
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	122.756	14.205
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(229.506)</b>	<b>17.945</b>
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	Nhận vốn góp của chủ sở hữu	500.000	250.000
33	Tiền thu từ phát hành trái phiếu	500.000	2.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	-	(2.200.000)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>1.000.000</b>	<b>50.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>737.059</b>	<b>109.195</b>
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>287.487</b>	<b>178.292</b>
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>1.024.546</b>	<b>287.487</b>



Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hải  
Tổng Giám đốc

02 APR 2009